Tuần 9

**Toán (Tiết 41)**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn và các quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng

- Thực hiện được việc tính toán với các số đo khối lượng và thực hiện được việc tính toán với các số đo khối lượng

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, ham học, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Máy chiếu, bảng phụ

- Học sinh: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I. Mở đầu**  - Nêu các đơn vị khối lượng đã học  - Điền >, <, =  5 tấn .... 50005kg  4 tạ 30kg ... 403kg  8 tấn 500kg .... 8500kg  - GV nhận xét, đánh giá  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS trả lời.  - HS nêu.  - HS theo dõi  - HS ghi bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, trả lời.  - Làm sao để tính được cân nặng của chim cánh cụt con.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. | - HS đọc.  - Chim cánh cụt bố và chim cánh cụt mẹ nặng 80kg.  Tổng chim cánh cụt bố, chim cánh cụt mẹ và chim cánh cụt con là 1 tạ.  - Cân nặng của chim cánh cụt con ?kg  - Chim cánh cụt con là 20kg  - HS trả lời  Đổi 1 tạ = 100kg  Chim cánh cụt con nặng số ki-lô-gam là: 100 – 80 = 20 (kg)  - HS theo dõi. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm bài ra vở sau đó đổi chéo.  - Yêu cầu 2HS lên bảng làm.  a) 124 tấn + 76 tấn = 200 tấn  c) 20 tấn x 5 = 100 tấn  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án và tuyên dương.  **=> Lưu ý:** Viết đơn vị đo vào bên phải kết quả . | - Tính  - HS làm bài.  - HS thực hiện.  b) 365 yến – 199 yến = 166 yến  d) 2 400 tạ : 8 = 6 tạ  - HS chia sẻ, nhận xét.  - HS theo dõi, lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.  - Làm thế nào để em biết con voi đi qua được các cây cầu đó.  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá và tuyên dương. | - HS đọc.  - Con voi phải đi qua những cây cầu nào để đi từ bờ bên này sang bờ bên kia.  - HS thảo luận theo cặp.  Những cây cầu mà con voi đi qua ghi các số đo là: 2 tạ, 1 tấn, 160 kg.  - HS trả lời. ( Đổi các số đo khối lượng trên các cây cầu thành số đo khối lượng với đơn vị ki-lô-gam sau đó so sánh.)  1 tạ = 100kg 1tạ 40kg = 140kg  7 yến = 70 kg 1tấn = 1000kg  2 tạ = 200kg 1 tạ 20kg = 120kg |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì?  - Bài hỏi gì?  ? Với yêu cầu đề bài thì 3 người có thể cùng lúc qua sông trong 1 lượt được hay không?  ? Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi: Làm như thế nào để 3 người qua được sông? (**Lưu ý:** Sau khi có 2 người đi qua sông thì luôn có một người chèo thuyền ngược trở lại để đón người cuối cùng).  - GV cùng HS nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc.  - Có 3 người với cân nặng lần lượt là 52kg, 50kg, 45kg cần qua sông bằng một chiếc thuyền chỉ chở được tối đa 1 tạ hay 100kg.  - Ba người cần làm như thế nào để qua sông?  - Không. Vì tổng cân nặng của 3 người vượt quá khả năng chở tối đa của chiếc thuyền.  - Đại diện nhóm trả lời.  Đầu tiên, hai người có cân nặng 52kg và 45 kg cùng qua sông. Sau đó, người có cân nặng 45kg chèo thuyền chở về đón người còn lại. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Tính  380 tạ + 220 tạ 758 yến – 347 yến  12 tấn x 6 1768 kg : 6  - Nếu cách thực hiện tính có chứa đơn vị đo.  - GV nhận xét tiết học. | - HS tính  - HS nêu  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung:** .......................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán (Tiết 42)**

**ĐỀ - XI - MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được đơn vị đo diện tích đề-xi-mét vuông, biết kí hiệu của đề-xi-mét vuông: dm2.

- Biết đổi và tính toán với các số đo diện tích (cm2,dm2

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu bài tập

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?  - Tại sao bạn bạn Rô-bốt lại nói như vậy?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS quan sát.  + Hai bạn đang nói chuyện diện tích của nền nhà được lát bởi các ô gạch hình vuông có cạnh 1cm là 100 xăng-ti-mét vuông hay 1 đề-xi-mét vuông.  - HS suy ngẫm.  - HS ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức:**  ***a. Ôn tập về xăng- ti- mét vuông:***  + Yêu cầu HS vẽ một hình vuông có diện tích là 1cm2.  + 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu xăng- ti- mét?  ***b. Giới thiệu đề- xi- mét vuông (dm2)***  - GV treo hình vuông có diện tích là 1dm2 lên bảng và giới thiệu: Để đo diện tích các hình người ta còn dùng đơn vị là đề- xi- mét vuông.  - Hình vuông trên bảng có diện tích là 1dm2.  - Yêu cầu HS thực hiện đo cạnh của hình vuông.  + Vậy 1dm2 chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?  + Dựa vào kí hiệu xăng- ti- mét vuông, nêu cách viết kí hiệu đề- xi- mét vuông? (GV ghi bảng: dm2)  - GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm2, 3dm2, 24dm2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên.  \* Mối quan hệ giữa cm2 và dm2  - Hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 10cm.  - 10 cm bằng bao nhiêu đề- xi- mét?  ***\*KL: Vậy hình vuông cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 1dm.***  + Hình vuông có cạnh 1dm có diện tích là bao nhiêu?  - Vậy 100cm2 = 1dm2.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ để thấy hình vuông có diện tích 1dm2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm2 xếp lại.  - GV yêu cầu HS vẽ HV có diện tích 1dm2. | - HS vẽ ra giấy kẻ ô.  - 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm.  - HS quan sát  - HS đồng thanh: đề- xi- mét vuông  - Cạnh của hình vuông là 1dm.  + Cạnh dài 1 dm  + Là kí hiệu của đề- xi- mét viết thêm số 2 vào phía trên, bên phải (dm2).  - Một số HS đọc trước lớp.  - HS tính và nêu: S= 10cm x 10cm = 100cm2  - HS: 10cm = 1dm.    *+ Là 1dm2.*  - HS đọc: 100cm2 = 1dm2.  - HS vẽ vào giấy HV: 10cm x 10cm. |
| **3. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc.  - HS thực hiện.  440 dm2: Bốn trăm bốn mươi đề-xi-mét vuông  1005 dm2: Một nghìn không trăm linh năm đề-xi-mét vuông  1000 dm2: Một nghìn đề-xi-mét vuông  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.  - HS theo dõi |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành bài và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn.  - GV nhận xét, chốt câu trả lời.  + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số.  + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó.  (VD: 8 dm2 = 800 cm2  nên ta có 800 cm2 = 8 dm2)  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  3dm2 = 300 cm2 300 cm2 = 3dm2  6dm2 = 600 cm2 600 cm2 = 6dm2  6dm2 50 cm2 = 650 cm2  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ đáp án. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - Gọi HS nêu cách tính tìm đáp án  - Khi so sánh số đo diện tích cần lưu ý gì?  - GV cùng HS nhận xét | - HS đọc.  - HS so sánh diện tích hình vuông và diện tích HCN  - HS thảo luận theo cặp.  - HS chia sẻ đáp án. (B)  - HS nêu. (Tính diện tích của 2 hình sau đó so sánh số đo diện tích)  S hình vuông = 2x 2 = 4 dm2  S hình chữ nhật = 80 x 5 = 400  = 4 dm2  - Cùng đơn vị đo |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Một hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 8cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó theo đơn vị đề-xi-mét vuông?  - Nhận xét tiết học. | - HS làm bài |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung:** .......................................................................................

................................................................................................................................. \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán (Tiết 43)**

**MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc mét vuông, viết " m2".

- Biết chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích m2, dm2, cm2.

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Ba bạn thử tính diện tích nền nhà bằng đơn vị đo nào?  + Có đơn vị đo diện tích nào lớn hơn xăng-ti mét vuông và đề-xi-mét vuông không?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS quan sát.  + Ba bạn Nam, Mai và Rô-bốt; bạn Nam đang đo nền nhà.  + Xăng-ti mét vuông, đề-xi-mét vuông  + HS suy ngẫm  - HS ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức:**  - GV treo lên bảng hình vuông có diện tích là 1m2 và được chia thành 100 hình vuông nhỏ, mỗi hình có diện tích là 1 dm2.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  + Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu?  + Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu?  + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?  + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?  + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dm.  **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2 và dm2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mét vuông. Mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m. (GV chỉ hình)**  **- Mét vuông viết tắt là m2.**  + 1m2 bằng bao nhiêu đề- xi- mét vuông?  - GV viết lên bảng: 1m2 = 100dm2 | - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  + Hình vuông lớn có cạnh dài 1m (10 dm).  + Hình vuông nhỏ có độ dài là 1dm.  + Gấp 10 lần.  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1dm2.  + Bằng 100 hình.  + Bằng 100dm2.  - HS đọc: Mét vuông  + 1m2 = 100dm2. |
| **3. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS chọn số đo phù hợp cho cách đọc.  - Gọi 1 HS làm bảng phụ, chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS đọc.  - HS thực hiện.  - HS làm bài, chia sẻ.  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi ước lượng đơn vị đo diện tích của các đồ vật.  - GV hướng dẫn HS:  + Sắp xếp diện tích các đồ vật theo thứ tự tăng dần.  + Sắp xếp số đo diện tích theo thứ tự tăng dần.  - Gọi đại diện 2 nhóm trình bày.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS tìm hiểu, trao đổi cặp đôi hoàn thành yêu cầu.  + Cục tẩy < bìa sách < mặt bàn  + 6 cm2 < 6 dm2 < 1m2  - HS trình bày. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ theo nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ? Khi đổi số đo diện tích từ đơn vị ta làm như thế nào. mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  1 m2 = 100dm2  1 m2 50dm2= 150dm2  1dm2 =100cm2 4 m2 20dm2= 420dm2  500dm2 =5 m2 3m2 9dm2= 309 dm2  - HS chia sẻ đáp án.  - Ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Nêu cách đổi đơn vị đo diện tích từ đơn vị mét vuông sang đơn vị đề-xi-mét vuông.  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung:** .......................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán (Tiết 44)**

**MI-LI-MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Biết mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích; biết kí hiệu của mi-li-mét vuông: mm2.

- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m2, dm2, cm2, mm2).

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Hai bạn Mai và Rô-bốt nói chuyện gì với nhau?  + Để đo diện tích của một vật có cách thước nhỏ, người ta dùng đơn vị nào?  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ.  + Tranh vẽ bạn Rô-bốt và Mai phát hiện ra tổ kiến bằng kính hiển vi.  + Hai bạn đang nói tới cách làm cửa cho tổ kiến.  - HS suy ngẫm.  - HS ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức:**  - GV treo lên bảng hình vuông lớn có cạnh là 1cm và được chia thành 100 hình vuông nhỏ có cạnh là 1 mm.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  + Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?  + Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?  + Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 cm có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 mm.  **- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2, dm2, m2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mi-li-mét vuông. Mi-li-mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 mm. (GV chỉ hình)**  **- Mét vuông viết tắt là mm2.**  + 1cm2 bằng bao nhiêu mi- li- mét vuông hay ngược lại? | - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  + Gấp 10 lần.  + Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1mm2.  + Bằng 100 hình.  + Bằng 1cm2.  - HS đọc: Mi-li-mét vuông  + 1cm2 = 100mm2.  100mm2 **=** 100mm2 |
| **3. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - GV phát phiếu, yêu cầu HS hoàn thành.  - Gọi 1HS chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS đổi chéo, đánh giá bài theo cặp.  - GV nhận xét, đánh giá | - HS đọc.  - HS thực hiện.  Hai trăm linh tư mi-li-mét vuông:  204 mm2  Hai nghìn không trăm bốn mươi mi-li-mét vuông:2040 mm2  Mười nghìn mi-li-mét vuông:  10000mm2  - HS chia sẻ, nhận xét.  - HS quan sát đáp án và đánh giá bài theo cặp.  - HS theo dõi |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ kết quả trong nhóm ba.  - Gọi đại diện 1 nhóm báo cáo kết quả.  - Yêu cầu HS nêu cách chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé (xăng-ti-mét sang mi-li-mét) và ngược lại chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn (mi-li-mét sang xăng-ti-mét).  - GV nhận xét, chốt câu trả lời.  + Khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị lớn sang đơn vị bé ta vận dụng phép nhân số có 3 chữ số với số có 1 chữ số.  + Ngược lại, khi thực hiện chuyển đổi số đo diện tích từ đơn vị bé sang đơn vị lớn hơn ta có thể sử dụng kết quả của phép chuyển đổi ở ngay trước đó.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS làm bài.  a) 1 cm2 = 100mm2  2 cm2 = 200mm2  200mm2 = 2 cm2  b) 1 cm2 30mm2 = 130 mm2  8 cm2 5mm2 =805 mm2  7 cm2 14mm2 = 714 mm2  - HS chia sẻ, nhận xét.  - HS nêu. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - Làm thế nào để em tìm ra đáp án.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - Tìm diện tích của nhãn vở.  - HS chia sẻ đáp án. ( 15 cm2)  - Ước lượng (đo) chiều dài, chiều rộng của nhãn vở. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Nêu cách đổi đơn vị đo diện tích từ đơn vị xăng -ti mét vuông sang đơn vị mi-li-mét vuông.  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung:** .......................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán (Tiết 45)**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng chuyển đổi và tính toán các số đo diện tích (m2, dm2, cm2, mm2).

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.

\* Năng lực chung: Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

\* Phẩm chất: Chăm chỉ, cẩn thận, có tinh thần tự học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy chiếu, phiếu học tập.

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Mở đầu**  - So sánh diện tích HCN có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm và hình vuông có cạnh 20 cm.  - GV nhận xét, đánh giá  - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS ghi bài |
| **2. Luyện tập, thực hành:** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì? hỏi gì?  - Yêu cầu 1HS vẽ hình minh họa 2 tấm pim mặt trời sau khi được ghép lên bảng lớp, còn lại vẽ vở nháp.  - Yêu cầu HS dựa vào hình vẽ tính diện tích của tấm pin.  Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS nêu.  - HS vẽ.  - HS làm bài  - HS chia sẻ đáp án. (B: 200 dm2) |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi hoàn thành bài tập.  ? Để biết phòng khách nào nhà Nam phải làm thế nào  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS đọc.  - HS trao đổi hoàn thành bài.  - HS trả lời.  (Tính diện tích của từng phòng khách rồi so sánh diện tích các phòng để tìm)  - HS chia sẻ đáp án. (Hình A) |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Bài cho biết gì?  - Bài yêu cầu làm gì?  - Gọi HS nêu cách làm.  - Yêu cầu HS hoàn thành bài vào vở và chia sẻ trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp.  - GV chấm vở 3-5HS nhanh nhất. | - HS đọc.  - Mặt sàn hình vuông cạnh 3m, tấm gỗ có chiều dài 5dm và chiều rộng 1dm.  - Cần bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn mặt căn phòng.  - HS nêu. (tính diện tích của căn phòng và diện tích của tấm gỗ sau đó tìm số tấm gỗ).  - HS làm bài và chia sẻ.  - HS chia sẻ đáp án. ( Cần 180 tấm gỗ để lát kín căn phòng) |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Trò chơi: HS hoạt động theo nhóm 2  - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia  - HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung:** .......................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_